

Him Lam, ngày 30 tháng 7 năm 2024

CÔNG KHAI

Các hoạt động giáo dục được quy định tại Chương II Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 20/6/2024 (tính đến tháng 6 năm 2024)

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Bộ giáo dục và Đào tạo;

Thực hiện văn bản số: 942/PGDĐT-TCCB, ngày 20/6/2024 của PGDĐT V/v thực hiện Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/06/2024 Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường Tiểu học Him Lam công khai các hoạt động giáo dục được quy định tại chương II của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT tính đến tháng 6 năm 2024, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Him Lam

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ 11 – Phường Him Lam – Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

Điện thoại: 0215 3811865

Địa chỉ trang thông tin điện tử: thimlam.pgdtpdienbienphu.edu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

4.1. Sứ mạng: Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những công dân tốt.

4.2. Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương; Là nơi cha mẹ học sinh luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; Là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; Là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến.

4.3. Giá trị cốt lõi của nhà trường: Đoàn kết - Trách nhiệm; Trung thực - Sáng tạo; Kỷ luật - Hợp tác - Chia sẻ; Công bằng - Khách quan; Tập trung vào kết quả và con người.

4.4. Giá trị văn hóa của nhà trường: Phát huy truyền thống; Tự trọng, tự hào, tự tin, khát vọng vươn lên; Khả năng thích ứng; Khả năng đổi mới và hội nhập.

4.5. Mục tiêu: Xây dựng trường tiểu học Him Lam trở thành “Trường học hạnh phúc” với các tiêu chí “Yêu thương – An toàn – Tôn trọng”

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngày 25 tháng 9 năm 1996, trường được tách ra từ Trường Phổ thông cơ sở Cấp 1,2 Him Lam theo Quyết định số 597/QĐ-UB-TC, ngày 25/9/1996 của UBND tỉnh Lai Châu và chính thức lấy tên là Trường Tiểu học Him Lam, đặt tại tổ dân phố 11, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ tỉnh Điện Biên cho đến ngày nay.

Trải qua 28 năm phấn đấu và trưởng thành nhà trường đã không ngừng phát triển, từng bước ổn định vào đi vào hoạt động có hiệu quả, khẳng định được vị thế của mình trong ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ cũng như trên địa bàn.

Với mục tiêu đổi mới giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu sự phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thầy và trò trường tiểu học Him Lam đã không ngừng lao động sáng tạo, nỗ lực vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ, xây dựng nhà trường là một điểm sáng về công tác giáo dục là trung tâm văn hóa chính trị của phường Him Lam.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích. Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 11, phường Him Lam, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Điện thoại: 0985 705337

Địa chỉ trang thông tin điện tử: bichthanhtruong1971@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường: Trường Tiểu học Him Lam được thành lập theo quyết định số: 579/QĐ-UBTC, ngày 29/5/1996 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên).

b) Hội đồng trường Trường Tiểu học Him Lam được thành lập theo Quyết định số 57/QĐ-PGD&ĐT ngày 15 tháng 01 năm 2023 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc thành lập Hội đồng trường Tiểu học Him Lam thành phố Điện Biên Phủ nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Quyết định công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng trường Tiểu học Him Lam (đ/c Đinh Thị Thanh Nhân), nhiệm kỳ 2023-2028, số 177/QĐ-UBND, ngày 21/02/2023.

Danh sách Hội đồng trường cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	nhiệm vụ
1	Đinh Thị Thanh Nhân	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Nguyễn Thị Thu Huyền	P.Hiệu trưởng	P.chủ tịch HĐ
3	Vũ Thị Tuyết Lan	PCT UBND phường	P.chủ tịch HĐ

4	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Tổ trưởng CM khối 1	Thư kí
5	Hà Đình Phương	P.Hiệu trưởng	Thành viên
6	Phạm Thị Kim Thanh	Tổ trưởng CM khối 2	Thành viên
7	Trần Thị Thu Hạnh	Tổ trưởng CM khối 3	Thành viên
8	Trần Thị Thủy	Tổ trưởng CM khối 5	Thành viên
9	Nguyễn Thị Lanh	Tổ trưởng Tổ văn phòng	Thành viên
10	Trịnh Thị Thu	Bí thư đoàn thanh niên	Thành viên
11	Nguyễn Xuân Hải	Trưởng ban ĐDCMHS	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm của Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

- Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Bích được điều động và bổ nhiệm theo quy định tại Quyết định số 1006/QĐ-UBND, ngày 07/6/2024 UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Phó Hiệu trưởng: Hà Đình Phương được bổ nhiệm theo quy định tại Quyết định số 247/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023 UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý.

- Phó Hiệu trưởng: Nguyễn Thu Huyền được bổ nhiệm theo quy định tại Quyết định số 1025/QĐ-UBND, ngày 11/5/2022 UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động

* Ban giám hiệu:

- Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Bích

- Hiệu phó : Nguyễn Thị Thu Huyền

- Hiệu phó : Hà Đình Phương

* Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng:



Nguyễn Hồng Hạnh	Nguyễn T. Hồng Nhung	Lưu Thị Ngọc Mai	Dương Thị Vân	Nguyễn Thị Loan	Hoàng Thị Thanh
Phạm Thị Hiền	Nguyễn Thanh Thủy	Nguyễn Ngọc Diệp	Nguyễn Thị Hương	Đào Văn Đoàn	Nguyễn Thị Hoài
Nguyễn Thị Loan	Lại Hữu Toàn	Đào Đức Dũng	Trần Thị Thu Hạnh	Lương Thị Nhuận	Trần Ngọc Sáng
Nguyễn Thị Cúc	Lê Thị Thời		Khúc Thị Dung	Đỗ Thị Mai	Đường Thị Bích Hà
Thắm Thị Xuân	Trần Thị Thảo		Hà Thị Hải Oanh	Đào Thị Sợi	Nguyễn Văn Dũng
			Nguyễn Thị Thủy Vân	Đào Anh Tuấn	Trịnh Thị Thu
				Bùi Thị Hương	Trần Thị Thương
					Phạm Thị Nhung

đ) Lãnh đạo cơ sở giáo dục:

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích. Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 11, phường Him Lam, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Điện thoại: 0985 705337

Địa chỉ trang thông tin điện tử: bichthanhtruong1971@gmail.com

*** Nhiệm vụ:**

Nhiệm vụ, trách nhiệm: Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền; Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; Phân công, quản lý, đánh giá, xếp loại; khen thưởng, thi hành kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định; Quản lý hành chính; quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường; Chủ tài khoản; Quản lý học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường quyết định khen thưởng, kỷ luật; Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy 2 tiết/tuần; Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; Thực hiện xã hội hóa giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng; Chủ trì soạn thảo các quy chế, nội quy, quy định của nhà trường. Chỉ đạo công tác kiểm tra nội bộ trường học; Trực tiếp tiếp công dân.

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Huyền. Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Điện thoại: 088 8238108

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 11, phường Him Lam, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Nhiệm vụ, trách nhiệm: Phụ trách chuyên môn chung, phụ trách chuyên môn khối 3,4,5; Phụ trách bán trú, công đoàn, Đoàn, Công tác Đội; Phụ trách về phong trào và các cuộc thi của CBGVNV, HS; Chịu trách nhiệm về công tác kiểm tra nội bộ trường học tổ 3,4,5; Giúp HT phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại, danh sách học sinh lên lớp, ở lại lớp khối 3,4,5. Tổ chức kiểm tra xác nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường; Duyệt tin bài của các tổ. Quản lý và đăng nội dung tin trên Facebook nhà trường sau khi được hiệu trưởng duyệt; Chịu trách nhiệm về công tác kiểm định chất lượng giáo dục, đánh giá ngoài, hồ sơ thi đua của nhà trường; Chịu trách nhiệm điều hành công việc do hiệu trưởng phân công; Điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền; Kí duyệt các báo cáo, kí duyệt hồ sơ kế hoạch tổ trưởng chuyên môn, của giáo viên khi kiểm tra trong phạm vi khối do mình trực tiếp phụ trách; Tham mưu và báo cáo cho hiệu trưởng về các nội dung được phân công; Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; Tham gia giảng dạy 4 tiết/tuần (Toán*, TV* lớp 5a2, 5a4).

- Họ và tên: Hà Đình Phương. Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Điện thoại: 091 4332875

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 11, phường Him Lam, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Nhiệm vụ, trách nhiệm: Phụ trách chuyên môn khối 1,2; phụ trách tổ văn phòng; Phụ trách lao động, vệ sinh, CSVC, thư viện thiết bị, công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn trường học, phổ cập, thống kê, công nghệ thông tin, trang Website của nhà trường; công tác khuyến học, chữ thập đỏ; Chịu trách nhiệm về hồ sơ công tác kiểm tra nội bộ trường học; Giúp HT phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại, danh sách học sinh lên lớp, ở lại lớp khối 1,2; Phụ trách các cuộc thi qua mạng; Chịu trách nhiệm điều hành công việc do hiệu trưởng phân công; Điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền; Kí duyệt các báo cáo, kí duyệt hồ sơ kế hoạch tổ trưởng chuyên môn, của giáo viên khi kiểm tra trong phạm vi khối do mình trực tiếp phụ trách; Tham mưu và báo cáo cho hiệu trưởng về các nội dung được phân công; Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; Tham gia giảng dạy 4 tiết/ tuần (Toán*, TV* lớp 2a1, 2a4).

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển giáo dục; quy chế dân chủ; các nghị quyết của Hội đồng trường,...

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Năm báo cáo	Năm liền kề trước năm báo cáo
I	Tổng số thu	11.616.380.000	8.877.640.000
1	Nguồn ngân sách cấp	11.267.000.000	8.535.700.000
1.1	Nguồn chi thường xuyên	11.104.750.000	8.475.700.000

1.2	Nguồn chi không thường xuyên	162.250.000	60.000.000
	Trong đó: - Mua sắm trang thiết bị dạy và học	74.000.000	
	- Hỗ trợ chi phí học tập	88.250.000	60.000.000
	- Chi lương		
2	Nguồn thu khác	349.380.000	341.940.000
	Nước uống + dọn vệ sinh công cộng cho học sinh (Thỏa thuận)	0	
	Tiếng Anh tự chọn cho học sinh Lớp 1,2	349.380.000	341.940.000
	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục; tôn tạo cảnh quan môi trường	0	0
II	Tổng số chi	6.369.258.179	4.687.753.033
1.1	Nguồn chi thường xuyên	5.464.668.179	4.037.688.881
	Tiền lương và các khoản theo lương	5.295.164.851	3.911.699.795
	Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	115.257.966	60.596.086
	Chi hoạt động giáo dục	54.245.362	65.393.000
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	43.500.000	56.980.000
	Trong đó: - Mua sắm trang thiết bị dạy và học	0	0
	- Hỗ trợ chi phí học tập	43.500.000	56.980.000
	- Truy lĩnh lương chức danh nghề nghiệp	0	0
1.3	Nguồn chi khác	861.090.000	650.064.152
	Nước uống + dọn vệ sinh công cộng cho học sinh (Thỏa thuận)	171.840.000	39.348.152
	Tiếng Anh tự chọn cho học sinh Lớp 1,2	349.380.000	341.940.000
	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục; tôn tạo cảnh quan môi trường	339.870.000	268.776.000

III. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng người làm việc đang thực hiện	Trình độ đào tạo	Nghề nghiệp	BDTX
----	-----------------	--	------------------	-------------	------

			ThS	ĐH	TC	Tốt	Khá	CĐ	HT	CHT
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	3	1	2		3			3	
1	Hiệu trưởng	1		1		1			1	
2	Phó Hiệu trưởng	2	1	21		2			2	
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	46	1	45		42	3	1	46	
1	Giáo viên tiểu học hạng II	35	1	34		32	2	1	35	
2	Giáo viên tiểu học hạng III	11		11		10	1		11	
III	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	2	1	1						
1	Thư viện	1		1						
2	Quản trị công sở	0								
3	Văn thư	0								
4	Thủ quỹ	0								
5	Kế toán	1	1							
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	8		1	3					
1	Y tế học đường	1			1					
2	Nhân viên Bảo vệ	2		1	1					

3	Nhân viên Phục vụ	1			1					
	Cộng (I+II=III+IV)	55	3	49	3	45	3	1	49	0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	30/30	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	30	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	5729,1	5,19 m ² / HS
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2160	1,96 m ² / HS
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1120	1,01m ² / HS
2	Diện tích thư viện (m ²)	58	0,05 m ² / HS
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	72	0,06 m ² /HS
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	48	0,04 m ² /HS
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	48	0,04 m ² / HS
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	48	0,04 m ² / HS
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	36	0,03 m ² / HS
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	16	8 m ² / HS
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	58	0,05 m ² / HS
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	30	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	30	
1.1	Khối lớp 1	4	1 bộ / lớp
1.2	Khối lớp 2	6	1 bộ / lớp
1.3	Khối lớp 3	6	1 bộ / lớp
1.4	Khối lớp 4	7	1 bộ / lớp
1.5	Khối lớp 5	7	1 bộ / lớp

2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	25	2 HS/ 1bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	9	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	32	1máy /1 lớp
5	Máy phô tô	2	
6	Tăng âm	2	
7	Máy tính	7	
8	Máy chiếu vật thể	15	1 máy / 2 lớp

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	60
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	14 phòng = 672m ²	490	1,4m ²
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		2		0,04 m ² / HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	

XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

*** Danh mục sách giáo khoa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục tham khảo lựa chọn**

Danh mục Sách giáo khoa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: Sách giáo khoa lớp 1 thực hiện như năm học 2020-2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh, lớp 2 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh, lớp 3 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh, lớp 4 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh, lớp 5 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh. Cụ thể:

Sách giáo khoa Chương trình GDPT 2018				
Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tiếng Việt 1 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)	Tiếng Việt 3 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)
Toán 1	Toán 2	Toán 3	Toán 4	Toán 5
Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 5
		Tin học 3	Tin học 4	Tin học 5
		Công nghệ 3	Công nghệ 4	Công nghệ 5
			Lịch sử và Địa lý 4	Lịch sử và Địa lý 5
TNXH 1	TNXH 2	TNXH 3	Khoa học 4	Khoa học 5
Đạo đức 1	Đạo đức 2	Đạo đức 3	Đạo đức 4	Đạo đức 5
Âm nhạc 1	Âm nhạc 2	Âm nhạc 3	Âm nhạc 4	Âm nhạc 5
Mĩ thuật 1	Mĩ thuật 2	Mĩ thuật 3	Mĩ thuật 4	Mĩ thuật 5
Giáo dục thể chất 1	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 3	Giáo dục thể chất 4	Giáo dục thể chất 5

Hoạt động trải nghiệm 1	Hoạt động trải nghiệm 2	Hoạt động trải nghiệm 3	Hoạt động trải nghiệm 4	Hoạt động trải nghiệm 5
Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 1	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 2	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 3	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 4	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 5

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở:

Mức 1: 27/27 (100%) Tiêu chí đạt Mức 1;

Mức 2: 27/27 (100%) Tiêu chí đạt Mức 2;

Mức 3: 19/19 (100%) Tiêu chí đạt Mức 3.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4: 3/5 Tiêu chí đạt mức 4 (tỷ lệ 60%).

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục:

Nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 và Đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 theo Quyết định số 431/QĐ-SGDĐT ngày 12/7/2023.

IV. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

a) Kế hoạch tuyển sinh, Năm học: 2024-2025

Phương thức tuyển sinh: xét tuyển.

Đối tượng tuyển sinh:

Tuyển tất cả trẻ em 6 tuổi sinh năm 2018 và số trẻ sinh năm 2017, 2016, 2015, ... chưa ra học lớp 1, kể cả trẻ khuyết tật trên địa bàn phường Him Lam (nếu có); học sinh 6 tuổi các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh khác có nhu cầu học tại trường Tiểu học Him Lam.

Hồ sơ tuyển sinh

Đơn xin học (theo mẫu nhà trường).

Bản sao giấy khai sinh hợp lệ (kèm theo bản chính để đối chiếu).

Bản chính hoặc bản sao các giấy tờ xác nhận có liên quan đến chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

Chỉ tiêu tuyển sinh

Số lớp: 05 lớp

Số học sinh: 180 học sinh

Thời gian, địa điểm tuyển sinh:

- Thời gian: Từ ngày 03/6/2024 đến hết ngày 20/6/2024 (nhận hồ sơ trong giờ hành chính; trừ thứ bảy, chủ nhật)

- Địa điểm: Phòng Phó hiệu trưởng (tầng 2 – dãy nhà hiệu bộ)

- Số điện thoại liên hệ: 0888238108 – Cô giáo Nguyễn Thị Thu Huyền (Phó HT)

- Thông báo kết quả tuyển sinh: Ngày 01/8/2024

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường (Công khai tháng 9/2024)

c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh (Trích nội dung quy chế)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đối tượng thực hiện; trách nhiệm, quyền hạn của nhà trường, gia đình, xã hội; nội dung phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong công tác giáo dục học sinh; quy định chế độ khen thưởng, xử lý vi phạm.

2. Quy chế được áp dụng trong trường tiểu học Him Lam; các cấp quản lý giáo dục; các gia đình có người học; xã hội bao gồm: các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị-xã hội- nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân trên địa bàn Phường Him Lam theo quy định của pháp luật hiện hành (gọi chung là lực lượng xã hội).

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Đảm bảo sự thống nhất về quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu giáo dục.

2. Tổ chức các hoạt động phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong công tác giáo dục học sinh trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi bên theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Bảo đảm tính kỷ luật, kỷ cương và hiệu quả trong các hoạt động phối hợp; nâng cao trách nhiệm của mỗi bên tham gia.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp trong xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm (giáo dục chính trị, pháp luật, đạo đức, thể chất, nếp sống văn hoá, sức khoẻ sinh sản vị thành niên, phòng chống tội phạm, tai nạn thương tích, ATGT, vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường cho học sinh, phòng chống dịch bệnh).

2. Phối hợp trong quản lý học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học tập và rèn luyện; giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh; động viên khen thưởng học sinh có thành tích; giáo dục học sinh cá biệt.

3. Phối hợp trong xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, cung cấp các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học của nhà trường.

4. Phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.

5. Phối hợp trong tuyên truyền giáo dục, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh.

Điều 4. Chủ thể đại diện

Đại diện nhà trường là Hiệu trưởng; đại diện gia đình học sinh là cha, mẹ, người giám hộ hợp pháp hoặc người được cha, mẹ, người giám hộ hợp pháp ủy quyền; đại diện cấp ủy chính quyền địa phương là lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, đại diện xã hội là các đoàn thể chính trị - xã hội do Mặt trận Tổ quốc làm đại diện.

Chương II TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH, XÃ HỘI

Điều 5. Trách nhiệm của nhà trường

1. Quản lý, tổ chức giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục theo mục tiêu chương trình giáo dục, thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khoá nhằm hình thành và rèn cho học sinh kỹ năng sống, kỹ năng thực hành, nếp sống, ý thức tổ chức kỷ luật phát triển phẩm chất và năng lực.

2. Quản lý, giáo dục và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trong thời gian học tập ở trường, tham gia hoạt động ngoại khoá trong và ngoài nhà trường.

3. Nâng cao vai trò trách nhiệm của cán bộ, giáo viên đặc biệt là vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong việc phối hợp với giáo viên bộ môn thực hiện đánh giá chính xác, công bằng, công khai năng lực, phẩm chất, học tập của học sinh; thường xuyên trao đổi với gia đình học sinh theo đúng quy định.

4. Nâng cao vai trò, trách nhiệm và vị trí của tổ chức đoàn, đội trong việc xây dựng nề nếp tự quản, giáo dục lý tưởng hoài bão ước mơ cho học sinh; phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm, Tổng phụ trách Đội, Đoàn thanh niên để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

5. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu học tập của học sinh; xây dựng nhà trường đảm bảo an ninh trật tự, cảnh quan xanh, sạch, đẹp; giáo dục học sinh có ý thức xây dựng và bảo vệ môi trường.

6. Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn phòng chống cháy nổ, phòng chống tai nạn thương tích, thiên tai, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm và các tệ nạn xã hội.

7. Huy động lực lượng giáo viên và học sinh cùng với địa phương triển khai công tác phổ cập giáo dục, chủ động cùng chính quyền và gia đình tạo điều kiện cho trẻ được hưởng quyền học tập theo quy định của pháp luật.

8. Quản lý chặt chẽ học sinh, thường xuyên liên hệ chặt chẽ với gia đình học sinh, nắm bắt kịp thời diễn biến tư tưởng, tinh thần thái độ học tập của học sinh ở nhà để có biện pháp phối hợp giáo dục; phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, trao đổi thông tin, hỗ trợ cha mẹ học sinh về kiến thức, phương pháp giáo dục con em. Định kỳ họp với cha mẹ học sinh thông tin đầy đủ quá trình học tập, rèn luyện của học sinh, trên cơ sở đó đề xuất biện pháp phù hợp trong phối hợp giáo dục học sinh.

9. Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, đoàn thể xây dựng môi trường giáo dục thống nhất nhằm, thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

10. Phối hợp với các cơ quan, các ban, ngành chức năng, các tổ chức đoàn thể trên địa bàn tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật, trật tự ATGT, nếp sống văn hoá, phòng chống tội phạm, tai nạn thương tích, giáo dục về sức khỏe sinh sản vị thành niên, an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường cho học sinh; tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, tổ chức tốt các hoạt động ngoại khoá, giới thiệu truyền thống và các thành tựu kinh tế-xã hội thành phố, phường và nơi trường đặt địa điểm; tạo điều kiện cho học sinh tham gia vào các phong trào, hoạt động văn hoá- xã hội-khoa học-kỹ thuật tại địa phương.

11. Báo cáo kịp thời với UBND phường; với phòng GD&ĐT thành phố, về tổ chức thực hiện Quy chế ở đơn vị mình.

Điều 6. Quyền hạn của nhà trường

1. Thực hiện các quyền hạn theo quy định của Điều lệ nhà trường và quy định của pháp luật.

2. Tham mưu với UBND phường tạo điều kiện đầu tư về cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ cho hoạt động dạy và học của nhà trường theo mục tiêu giáo dục toàn diện và quy định xây dựng cơ sở vật chất trường chuẩn quốc gia, tham mưu hoàn thành còn tác phổ cập giáo dục trên địa bàn.

3. Kiến nghị chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng đảm bảo điều kiện về an ninh trật tự khu vực trường học và cơ sở giáo dục, không để các tiêu cực, tệ nạn xã hội tác động ảnh hưởng xấu đến môi trường giáo dục.

4. Phối hợp cùng Ban đại diện cha mẹ học sinh vận động cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội khác tham gia đóng góp kinh phí xây dựng cơ sở vật chất trường học theo pháp luật hiện hành.

Điều 7. Trách nhiệm của gia đình

1. Nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc, tạo điều kiện cho con em được học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động của nhà trường; không để con em bỏ học, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của trẻ em theo Công ước quốc tế, Luật giáo dục, Luật bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em và các văn bản có liên quan.

2. Xây dựng gia đình văn hoá, tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ của con em; người lớn tuổi có trách nhiệm giáo dục, gương mẫu cho con em mình học tập, tạo điều kiện thuận lợi cho con em học tập tại nhà, cùng nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

3. Quản lý, giám sát lịch trình học tập, vui chơi giải trí, sinh hoạt của con em mình tại nhà. Năm vững diễn biến tư tưởng, đạo đức, học lực của con em, chủ động thông báo cho nhà trường và giáo viên chủ nhiệm những vấn đề không bình

thường của con em mình và những học sinh khác để thống nhất biện pháp phối hợp giáo dục.

4. Chủ động, tích cực phối hợp cùng nhà trường và các tổ chức đoàn thể giáo dục con em; phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của con em mình gây ra theo quy định của pháp luật. Có trách nhiệm cùng nhà trường giáo dục con em mình thực hiện an toàn giao thông, an ninh trật tự phòng chống tệ nạn xã hội.

5. Tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ban giám hiệu nhà trường hoặc giáo viên chủ nhiệm tổ chức, đóng góp đầy đủ các khoản theo quy định của Nhà nước. Đồng thời tích cực tham gia công tác xã hội hóa giáo dục và hưởng ứng các hoạt động của Hội khuyến học.

Điều 8. Quyền của gia đình

1. Cha mẹ học sinh có các quyền quy định tại Điều 95 của Luật Giáo dục và trong Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

2. Tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về nội dung, chương trình phối hợp và phương pháp giáo dục học sinh của trường.

3. Yêu cầu nhà trường thường xuyên thông báo kết quả học tập và rèn luyện của con em mình; tham gia các hoạt động giáo dục theo kế hoạch của nhà trường; yêu cầu nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục giải quyết theo pháp luật những vấn đề có liên quan đến việc giáo dục con em.

4. Kiến nghị với các cấp có thẩm quyền xử lý những vi phạm của cá nhân hoặc tổ chức về quyền của trẻ em được pháp luật Nhà nước Việt Nam quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của xã hội

1. Quan tâm chỉ đạo và tham gia quản lý sự nghiệp giáo dục, theo chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tuyên truyền để mọi tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị-xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và đơn vị vũ trang nhân dân, mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn tích cực tham gia công tác xã hội hóa giáo dục.

3. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội- nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và đơn vị vũ trang nhân dân trên địa bàn, theo khả năng giúp nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục và nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện cho nhà giáo và người học tham quan, thực tập nghiên cứu khoa học góp phần xây dựng phong trào học tập, rèn luyện của học sinh.

4. Các lực lượng xã hội tham gia xây dựng nếp sống văn hoá cơ sở và cộng đồng dân cư, tạo môi trường lành mạnh, an toàn, ngăn chặn những tác động có ảnh hưởng xấu đến môi trường giáo dục.

5. Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị để người học được vui chơi, giải trí, hoạt động thể dục, thể thao lành mạnh, sau các giờ học văn hoá.

6. Đầu tư về tài chính, nhân lực, vật lực cho sự phát triển giáo dục. Sẵn sàng đáp ứng khi nhà trường có những yêu cầu đề nghị về sự hỗ trợ, giúp đỡ trong công tác giảng dạy, giáo dục học sinh; chủ động xây dựng các quỹ khuyến học, khuyến tài, quỹ tài năng trẻ để khen thưởng động viên kịp thời học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện.

Điều 10. Quyền hạn của xã hội

1. Yêu cầu nhà trường trên địa bàn thông báo định kì, hoặc đột xuất về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của đơn vị.

2. Yêu cầu nhà trường trên địa bàn phối hợp để triển khai, thực hiện những chủ trương, nhiệm vụ có nội dung liên quan tới giáo dục cho học sinh.

Điều 11. Ban đại diện cha mẹ học sinh ở nhà trường căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, chủ động phối hợp chặt chẽ với nhà trường và các tổ chức xã hội tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức thực hiện Quy chế này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường Him Lam và các tổ chức thành viên động viên nhân dân trong phường mình chăm lo sự nghiệp giáo dục; vận động gia đình thực hiện tốt Quy chế này; đưa ra những kiến nghị đối với các cơ quan nhà nước hữu quan để làm tốt công tác giáo dục học sinh. Mặt trận Tổ quốc phường trình cấp ủy, phối hợp với chính quyền cùng cấp chỉ đạo việc xây dựng cam kết giữa Mặt trận Tổ quốc với Ban đại diện cha mẹ học sinh và nhà trường tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 13. Hội đồng giáo dục, Hội khuyến học, Hội cựu giáo chức phường căn cứ vào Điều lệ của Hội, phổ biến, triển khai nội dung Quy chế này tới các thành viên, tham gia chỉ đạo thực hiện Quy chế.

Điều 14. Kiến nghị với UBND Phường Him Lam trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung:

1. Xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế này tại địa phương; chỉ đạo cơ quan chức năng tăng cường công tác quản lí Nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa nhất là cơ sở kinh doanh Karaoke, Internet, trò chơi điện tử nói chung và các cơ sở kinh doanh khác ở gần nhà trường. Không để các cơ sở này chứa chấp, cầm đồ của học sinh, lôi kéo học sinh vào các tệ nạn xã hội.

2. Định kì, đột xuất kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; việc chấp hành các Chỉ thị, Nghị quyết, quy định của Đảng, Nhà nước về trật tự an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; xây dựng nếp sống văn minh, đơn vị cơ quan, xã, đạt tiêu chuẩn văn hóa.

Điều 15. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân trên địa bàn, trạm y tế phường Him Lam

trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình phổ biến, quán triệt tới cán bộ, công chức, viên chức, thành viên trong đơn vị, tổ chức xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 16. Cơ quan chủ trì

1. Nhà trường là cơ quan chủ trì, phối hợp với các ban ngành, đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm:

a. Tham mưu cho UBND phường ban hành kế hoạch chỉ đạo thực hiện Quy chế này; cân đối ngân sách chi cho sự nghiệp GD&ĐT hàng năm hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động trong công tác phối hợp giáo dục học sinh (trong điều kiện), nhằm nâng cao trách nhiệm, hiệu quả tổ chức thực hiện Quy chế này.

b. Phối hợp các tổ chức đoàn thể liên quan xây dựng kế hoạch phối hợp, tổ chức củng cố, xây dựng Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; sơ kết, tổng kết định kỳ.

c. Chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc phường, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và đơn vị vũ trang nhân dân trên địa bàn, y tế phường có liên quan xây dựng cụ thể nội dung phối hợp giáo dục; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra đánh giá việc thực hiện của mỗi bên.

2. UBND Phường Him Lam:

a. Thường xuyên quan tâm tạo điều kiện chỉ đạo nhà trường trên địa bàn thực hiện Quy chế này.

b. Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế ở nhà trường. Định kỳ, chủ trì tổ chức họp giao ban với công an địa phương và các cơ quan có liên quan để nắm tình hình và bàn biện pháp phối hợp quản lý, giáo dục học sinh.

c. Chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị-xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và đơn vị vũ trang nhân dân trên địa bàn, trạm y tế xây dựng cụ thể nội dung phối hợp giáo dục; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra đánh giá việc thực hiện của mỗi bên.

d. Chỉ đạo nhà trường chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, Ban đại diện cha mẹ học sinh bổ sung, xây dựng quy chế cụ thể cho phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Định kỳ các bên phối hợp tổ chức kiểm điểm việc thực hiện, hàng năm tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm.

Điều 17. Định kỳ 6 tháng, một năm UBND phường phối hợp cùng Mặt trận Tổ quốc tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nội dung cam kết phối hợp thực hiện Quy chế của các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh, báo cáo cơ quan chủ trì cấp trên. Phòng GD&ĐT tổng hợp báo cáo UBND thành phố.

Điều 18. Khen thưởng

Tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện Quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội được nhà trường, chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý giáo dục xem xét, khen thưởng theo quy định hiện hành.

Điều 19. Xử lý vi phạm

Tập thể, cá nhân thiếu tinh thần trách nhiệm trong chỉ đạo thực hiện Quy chế, ảnh hưởng tới sự nghiệp giáo dục, thiệt hại đến lợi ích của nhà trường, gia đình học sinh và gây hậu quả xã hội nghiêm trọng tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện có những vấn đề vướng mắc phát sinh, Hiệu trưởng đơn vị, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức đoàn thể tập hợp ý kiến báo cáo về cơ quan chủ trì các cấp để giải quyết.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh tại nhà trường

- Các Hoạt động trải nghiệm.
- Các buổi sinh hoạt tập thể.

đ) Thực đơn theo tuần

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023-2024

a) Kết quả tuyển sinh, số lớp, số học sinh

Khố i	TS HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	K.T	Mồ côi	Hộ nghè o	HS hưởng CĐCS	HS BT	Ghi chú
K1	220	111	57	27	1	0	1	18	139	6 lớp
K2	162	76	32	11	0	2	1	1	80	4 lớp
K3	213	107	48	25	0	0	1	9	89	6 lớp
K4	228	100	52	23	1	0	0	10	74	7 lớp
K5	254	105	67	32	0	0	0	6	63	7 lớp
TS	1077	499	256	118	2	2	3	44	445	30 lớp

b) Kết quả đánh giá học sinh theo thông tư 27/2020/TT-BGDĐT

*** Kết quả các môn học và hoạt động giáo dục:**

Khối lớp		Tổng	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
Tổng số học sinh		1077	220	162	213	228	254
HS Khuyết tật			1			1	
HS được đánh giá		1077	220	162	213	228	254
Môn học	MĐĐ						

Tiếng Việt	HTT	825	76,6	166	138	171	174	176
	HT	252	23,4	54	24	42	54	78
	CHT							
Toán	HTT	810	75,2	172	136	171	178	153
	HT	267	24,8	48	26	42	50	101
	CHT							
Ngoại ngữ	HTT	813	75,5	173	140	161	183	156
	HT	264	24,5	47	22	52	45	98
	CHT							
Đạo đức	HTT	918	85,2	185	138	192	191	212
	HT	159	14,8	35	24	21	37	42
	CHT							
TN&XH	HTT	696	64,6	185	138	186	187	
	HT	127	11,8	35	24	27	41	
	CHT							
Khoa học	HTT	369	34,3				183	186
	HT	113	10,5				45	68
	CHT							
Lịch sử- Địa lý	HTT	365	33,9				182	183
	HT	117	10,9				46	71
	CHT							
Âm nhạc	HTT	869	80,7	177	137	179	184	192
	HT	208	19,3	43	25	34	44	62
	CHT							
Mĩ Thuật	HTT	887	82,4	181	139	182	184	201
	HT	190	17,6	39	23	31	44	53
	CHT							
GDTC	HTT	904	83,9	185	138	187	187	207
	HT	173	16,1	35	24	26	41	47

	CHT							
Công nghệ	HTT	383	35,6			190	193	
	HT	58	5,4			23	35	
	CHT							
Kỹ thuật	HTT	204	18,9					204
	HT	50	4,6					50
	CHT							
HĐTN	HTT	505	46,9	182	137	186		
	HT	90	8,4	38	25	27		
	CHT							
Tin học	HTT	586	54,4			185	204	197
	HT	109	10,1			28	24	57
	CHT							

*** Năng lực**

- Khối 1, 2; 3, 4

Khối lớp		Tổng	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4
Tổng số học sinh		823	220	162	213	228
<i>HS Khuyết tật</i>		2	1			1
HS được đánh giá		823	220	162	213	228
Năng lực chung	MĐ Đ					
1. Tự chủ và tự học	Tốt	684	83,1	184	136	182
	Đạt	139	16,9	36	26	31
	CCG					46
2. Giao tiếp và hợp tác	Tốt	695	84,4	187	137	181
	Đạt	128	15,6	33	25	32
	CCG					38
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	682	82,9	182	137	179
	Đạt	141	17,1	38	25	34
	CCG					44
- Năng lực đặc thù			0,0			

1. Ngôn ngữ	Tốt	690	83,8	184	137	180	189
	Đạt	133	16,2	36	25	33	39
	CCG						
2. Tính toán	Tốt	675	82,0	181	137	177	180
	Đạt	148	18,0	39	25	36	48
	CCG						
3. Khoa học	Tốt	684	83,1	183	137	181	183
	Đạt	139	16,9	37	25	32	45
	CCG						
4. Thẩm mỹ	Tốt	688	83,6	183	137	186	182
	Đạt	135	16,4	37	25	27	46
	CCG						
5. Thể chất	Tốt	697	84,7	189	137	187	184
	Đạt	126	15,3	31	25	26	44
	CCG						
6. Tin học	Tốt	377	45,8			185	192
	Đạt	62	7,5			26	36
	CCG						
7. Công nghệ	Tốt	371	45,1			187	184
	Đạt	70	8,5			26	44
	CCG						

- Khối 5:

Khối lớp		Tổng	
TS học sinh		254	
HS Khuyết tật		0	
HS được đánh giá		254	
Năng lực	MĐĐ		
Tự phục vụ, tự quản	Tốt	212	83,5
	Đạt	42	16,5
	CCG		
Hợp tác	Tốt	208	81,9
	Đạt	46	18,1
	CCG		
	Tốt	197	77,6

Tự học và giải quyết vấn đề	Đạt	57	22,4
	CCG		

* **Phẩm chất:**- **Khối 1, 2; 3; 4**

Khối lớp	Tổng			Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4
Tổng số HS	823			220	162	213	228
<i>HS Khuyết tật</i>	2			1	0	0	1
HS được đánh giá	823			220	162	213	228
Phẩm chất	MĐĐ	TS	%				
1. Yêu nước	Tốt	815	99,0	215	161	212	227
	Đạt	8	1,0	5	1	1	1
	CC G						
2. Nhân ái	Tốt	792	96,2	199	161	212	220
	Đạt	31	3,8	21	1	1	8
	CC G						
3. Chăm chỉ	Tốt	703	85,4	188	137	185	193
	Đạt	120	14,6	32	25	28	35
	CC G						
4. Trung thực	Tốt	771	93,7	202	153	199	217
	Đạt	50	6,1	18	9	14	9
	CC G						
5. Trách nhiệm	Tốt	734	89,2	192	153	191	198
	Đạt	86	10,4	25	9	22	30
	CC G						

* **Khối 5:**

Khối lớp		Khối 5	
TS học sinh		254	
<i>HS Khuyết tật</i>		0	
HS được đánh giá		254	
Phẩm chất	MĐĐ	TS	TL%
1. Chăm học, chăm làm	Tốt	211	83,1
	Đạt	43	16,9

	CCG		
2. Tự tin, trách nhiệm	Tốt	211	83,1
	Đạt	43	16,9
	CCG		
3. Trung thực, kỉ luật	Tốt	221	87,0
	Đạt	33	13,0
	CCG		
4. Đoàn kết, yêu thương	Tốt	221	87,0
	Đạt	33	13,0
	CCG		

* Kết quả giáo dục cuối năm học khối 1, 2, 3,4:

Khối lớp	TSH S	HS được ĐG	HTXS		HTT		HT		CHT	
			TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL
1	220	220	122	55,2	50	22,6	49	22,2		
2	162	162	93	57,4	42	25,9	27	16,7		
3	213	213	116	54,5%	53	24,9	44	20,6		
4	228	228	100	43,8	77	33,7	51	22,5		
Tổng	823	823	431	52,3	222	26,9	171	20,8		

- Tỷ lệ học sinh chuyển lớp khối 1,2,3,4: 823/823 HS, đạt 100%
- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học : 254/254 học sinh, đạt 100%.
- Khen thưởng học sinh năm học 2023-2024: 827/1077 học sinh, đạt: 76,8%
- Kết quả các hội thi, cuộc thi trong năm học 2023-2024:

Môn	Giải	Cấp trường	Cấp TP	Cấp Tỉnh	Cấp QG
Toán qua mạng	Vàng/Nhất	22		1	
	Bạc/Nhì	49		6	
	Đồng/Ba	74		13	
	KK	225		77	3
	Tổng	370		97	3
Tiếng Anh qua mạng	Nhất	4	1	2	
	Nhì	5	15	15	
	Ba	40	18	18	
	KK	82	16	15	
	Tổng	131	50	51	
Trạng nguyên TV	Nhất	60	39	5	
	Nhì	146	52	12	
	Ba	90	68	19	
	KK	172	82	19	

	Tổng		468	241	55	
Olympic Toán, TA	Nhất		9			
	Nhì		17			
	Ba		22			
	KK		25			
	Tổng		73			
HKPD cấp TP	Nhất			5		
	Nhì			8		
	Ba			5		
	KK					
	Tổng			18 (Giải nhất toàn đoàn)		
Thi bơi cấp TP	Nhất			2		
	Nhì			3		
	Ba			2		
	KK					
	Tổng			7 (Nhì toàn đoàn)		
Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng năm 2024	Nhất					
	Nhì					
	Ba					
	KK			1		
	Tổng			1		

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bích